

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/DS-ST
Ngày 27-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cần

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Sơn Tây

Ông Tống Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lệnh Khâm Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 68/2025/QĐST-DS ngày 09/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Văn P, sinh năm 1964, hộ khẩu thường trú: tổ D, khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1999; thường trú: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; địa chỉ liên hệ: số I H, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2025); có mặt.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1960, hộ khẩu thường trú: tổ E, khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người làm chứng: Bà Phạm Thị Thu V, sinh năm 1969, thường trú: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre, địa chỉ: , khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Văn P và đại diện hợp pháp trình bày:

Do cần tiền để làm ăn kinh doanh, bà Ngô Thị Đ có vay của ông Lê Văn P số tiền là 400.000.000 đồng. Ông P lập giấy mượn tiền đề ngày 12/01/2024 và cho bà Đ người làm chứng là Phạm Thị Thu V đã tiến hành ký kết giấy mượn tiền thống nhất đến ngày 12/4/2024 thì bà Đ sẽ hoàn trả lại số tiền 400.000.000 đồng. Trong giấy mượn tiền không có thỏa thuận tiền lãi nhưng ông P có thỏa thuận bằng lời nói với bà Đ lãi suất là 2%/tháng. Việc giao nhận tiền được thực hiện bằng tiền mặt, gồm 02 loại tiền là 500.000 đồng và 200.000 đồng. Trong đó, ông P giao cho bà Đ số tiền 380.000.000 đồng tại sạp buôn bán đồ chơi của ông P tại chợ P1, sau đó ông P và bà Đ đi vào nhờ bà V ký tên làm chứng. Khi gặp bà V tại kiốt, ông P mượn thêm 20.000.000 đồng của bà V và giao cho bà Đ để đủ 400.000.000 đồng. Việc giao 20.000.000 đồng (gồm 40 tờ 500.000 đồng) có sự chứng kiến của bà V. Khi nhận đủ tiền thì bà Đ đã ký tên vào Giấy mượn tiền.

Đến ngày 12/4/2024 ông P liên hệ với bà Đ để đề nghị hoàn trả lại số tiền mà bà Đ đã vay của ông P thì bà Đ thêm thời gian để xoay tiền và sẽ hoàn trả lại cho ông P ngay khi có đủ tiền. Thế nhưng cho đến nay sau nhiều lần hứa bà Đ vẫn chưa trả cho ông P bất kỳ khoản tiền nào, mặc dù ông P đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại, cũng như đến trực tiếp đến nhà yêu cầu bà Đ trả tiền.

Nhận thấy, hành vi không trả tiền vay đối với số tiền 400.000.000 đồng nêu trên của bà Ngô Thị Đ là xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P.

Vì vậy, nay ông P làm đơn này kính đề nghị Quý Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên xem xét, giải quyết buộc bà Ngô Thị Đ phải hoàn trả cho ông P số tiền là 400.000.000 đồng và lãi chậm trả tạm tính từ ngày 13/4/2024 đến ngày xét xử 27/5/2025 là 44.822.000 đồng. Tổng số tiền mà bà Ngô Thị Đ phải trả cho ông P là 444.822.000 đồng.

Bị đơn bà Ngô Thị Đ trình bày:

Bà Ngô Thị Đ có mượn ông P lần đầu số tiền 50.000.000 đồng với tiền lãi 5.000.000 đồng/tháng (10%/tháng), bà Đ có trả lãi hàng tháng đầy đủ. Lần thứ 2 bà Đ có mượn thêm của ông P số tiền 50.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Đ mượn của ông P là 100.000.000 đồng, số tiền lãi bà Đ phải trả hàng tháng là 10.000.000 đồng/tháng. Do bà Đ bị bệnh nên bà Đ không có tiền trả tiền lãi nên số tiền lãi cộng dồn với số tiền gốc đã lên tới 200.000.000 đồng và ông P đã tăng số tiền lãi lên 20.000.000 đồng/01 tháng.

Ngày 12/01/2024 (âm lịch) ông P viết giấy nợ yêu cầu bà Đ ký vào tổng số tiền gốc và lãi là: 400.000.000 đồng, ông P cầm giấy nợ xuống nhà bà Đ số tiền lãi nặng quá bà Đ trả không nổi nên ông P đưa giấy nợ cho chồng bà Đ, chồng bà Đ có hẹn ông P 20 ngày sau xuống nhà bà Đ xin trả số tiền gốc và lãi dồn lên là: 200.000.000 đồng nhưng ông P không đồng ý lấy số tiền trên và đòi bà Đ phải trả cho ông số tiền là 400.000.000 đồng, trong đó có tiền gốc và tiền lãi. Trong 03 tháng kể từ ngày 12/01/2024 (âm lịch), bà Đ đã trả thêm cho ông P tổng số tiền

lãi là 120.000.000 đồng (mỗi tháng 40.000.000 đồng). Do tin tưởng lẫn nhau nên mỗi lần đưa tiền lãi cho ông P, bà Đ không yêu cầu ông P ký nhận là đã nhận tiền, vì do thói quen của ông P là khi bà Đ không trả lãi ông P sẽ làm giấy nợ khác để cộng dồn cả gốc và lãi vào. Thực tế số tiền lãi từ lúc vay ông P đến ngày 12/4/2024, bà Đ đã đưa cho ông P tổng số tiền là lãi khoảng 600.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng.

Bà Ngô Thị Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P. Bà Ngô Thị Đ chỉ đồng ý trả cho ông Lê Văn P số tiền 200.000.000 đồng.

Người làm chứng bà Phạm Thị Thu V trình bày: Bà V không chứng kiến việc lập Giấy mượn tiền đề ngày 12/01/2024 nhưng ngày 12/01/2024 ông P cùng với bà Đ có đến nhờ bà V ký tên vào giấy mượn tiền với tư cách là người làm chứng. Bà V không chứng kiến việc ông P giao cho bà Đ, số tiền 380.000.000 đồng nhưng việc ông P mượn của bà V 20.000.000 đồng và giao cho bà Đ là đúng và bà V có chứng kiến việc ông P giao số tiền 20.000.000 đồng cho bà Đ. Ông P đã trả lại số tiền 20.000.000 đồng nêu trên cho bà V. Bà V không có yêu cầu gì trong vụ án này và trong việc vay mượn tiền giữa ông P với bà Đ.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án :

Ông Lê Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là bà Ngô Thị Đ trả khoản nợ theo giấy mượn tiền ngày 12/01/2024. Bà Ngô Thị Đ có nơi cư trú tại phường P, thành phố T. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Ông P khởi kiện bà Đ yêu cầu bà Đ trả nợ gốc 400.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 12/01/2024 và phải trả lãi và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 444.822.000 đồng, tương ứng với số nợ, thời điểm chậm trả là 12/4/2024 với lãi suất 10% năm.

[3.2] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn: ông P đưa ra Giấy mượn tiền ngày 12/01/2024 và xác định là có chữ ký của bà Ngô Thị Đ. Tại bản tự tường trình ngày 01/4/2025, biên bản làm việc ngày 24/4/2025, bà Ngô Thị Đ thừa nhận có ký tên vào giấy mượn tiền đề ngày 12/01/2024, tuy nhiên bà Đ không thừa nhận có việc nhận số tiền 400.000.000 đồng của ông Lê Văn P. Bà Đ cho rằng tổng số tiền bà Đ vay của ông P chỉ là 100.000.000 đồng, với lãi suất là 10%/tháng, do không có tiền trả tiền lãi nên ông P lập giấy mượn tiền đề ngày 12/01/2024 để cộng tiền gốc và tiền lãi chậm trả thành 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, lời trình bày của bà Đ không được ông P thừa nhận. Bà Đ cũng không cung cấp được các chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, trong đó có việc trả lãi cho ông P. Tòa án cũng đã mời “người làm chứng” ký tên trong giấy mượn tiền nêu trên là bà Phạm Thị Thu V tham gia đối chất để làm rõ việc giao nhận tiền giữa ông P và bà Đ, trong đó bà Đ xác định ông P và bà Đ cùng vào nhờ bà V ký tên với tư cách “người làm chứng” và bà V cũng chứng kiến việc ông P giao thêm cho bà Đ số tiền 20.000.000 đồng. Như vậy, lời trình bày của bà Đ về việc bà là người ký tên vào Giấy mượn tiền ngày 12/01/2024 là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định của khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn P về việc buộc bị đơn bà Ngô Thị Đ phải thanh toán số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng.

[4] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: Xét thấy, trong các giấy vay tiền không thể hiện việc thỏa thuận của các bên về việc trả lãi và mức lãi suất, nguyên đơn thừa nhận do tin tưởng nên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có lập thành văn bản. Nguyên đơn, bị đơn đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc trả lãi để xác định lãi suất, tổng số tiền lãi đã trả cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét điều chỉnh lãi suất cũng như cản trừ số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn như đã trình bày.

[5] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất 10% năm của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào thời điểm 13/04/2024 để làm căn cứ tính tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ. Số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là $400.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 44.822.000 \text{ đồng}$

[5] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn P là có căn cứ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là người cao tuổi, có yêu cầu được miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 97; khoản 2 Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 244, Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Các Điều: 357, 463, 466; 468; 469 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn P đối với bị đơn bà Ngô Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Ngô Thị Đ phải trả cho ông Lê Văn P số tiền 444.822.000 (bốn trăm bốn mươi tư triệu tám trăm hai mươi hai nghìn) đồng, trong đó nợ gốc 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, tiền lãi 44.822.000 (bốn mươi tư triệu tám trăm hai mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị Đ được miễn án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7A, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKS thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chữ Cần